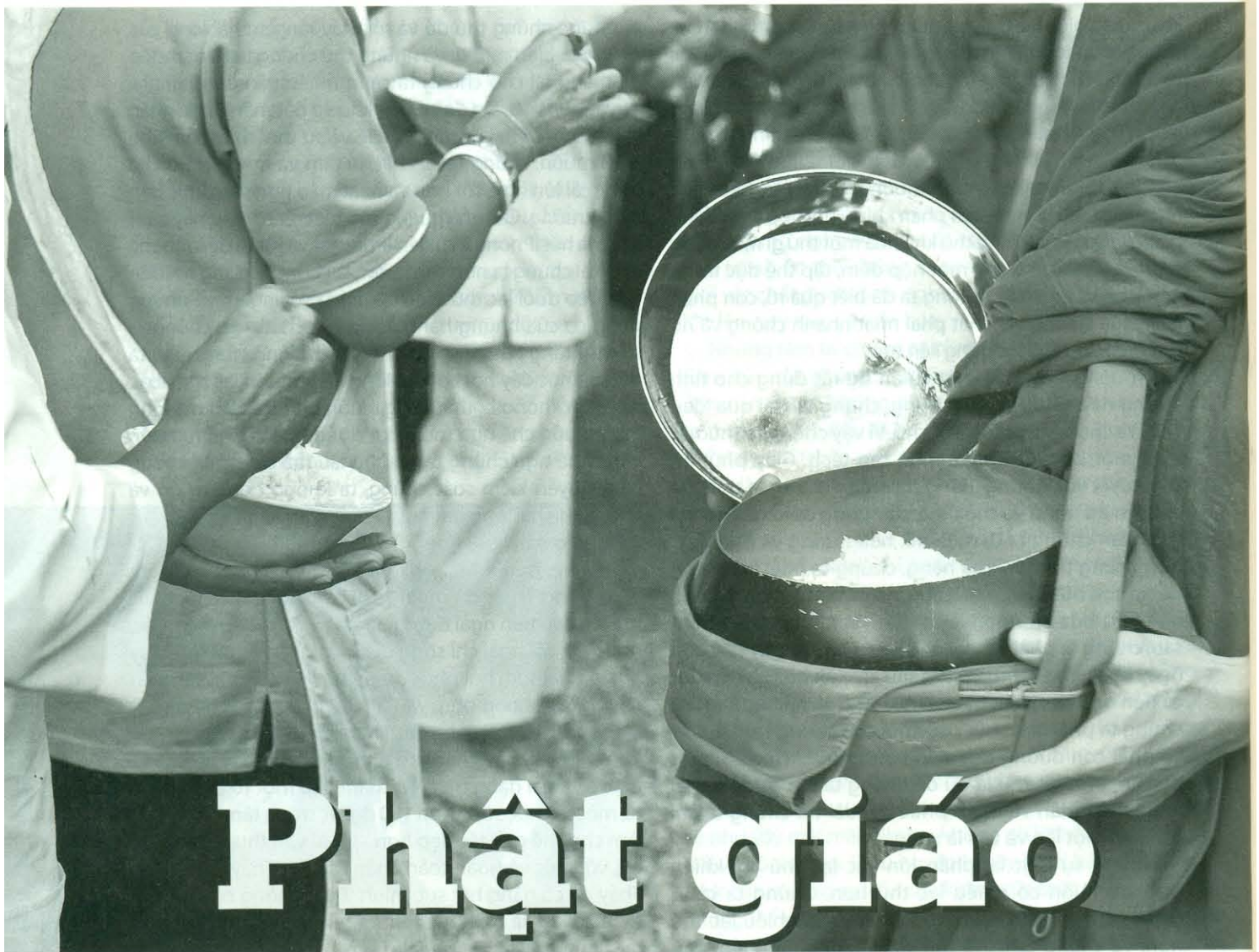




Phật giáo

với người Khmer Nam Bộ

NGUYỄN THỊ LIÊN

Phật giáo Nguyên thủy, còn gọi là Phật giáo Nam tông, giữ một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của cư dân Khmer Nam Bộ. Mọi hoạt động của người Khmer đều có bóng dáng của Phật giáo trong đó hay nói cách khác, Phật giáo chi phối con người từ lúc lọt lòng đến lúc chết và cả sau khi chết.

1. Sự tiếp nhận hệ phái Nam tông của người Khmer ở Nam Bộ

Theo lịch sử Phật giáo Campuchia, khi đất nước Campuchia còn thuộc vương quốc Phù Nam thì nơi đây đã là một trung tâm lớn trong việc giao lưu buôn bán bằng đường biển giữa Ấn Độ với các nước Đông Nam Á.

Vì vậy, văn hóa Ấn Độ đã tác động mạnh mẽ tới vương quốc Phù Nam. Các nhà nghiên cứu cho rằng đạo Bà-la-môn đã truyền đến Phù Nam trước khi Phật giáo du nhập vùng đất này. Cũng theo đó thì khi vương triều Phù Nam mất ảnh hưởng, vương triều Chân Lạp thay thế, Phật giáo Bắc tông mới theo các thương gia Ấn Độ đến xứ sở này và Phật giáo Đại thừa Bắc tông đã một thời thịnh hành ở nơi đây. Tuy nhiên, có lẽ Phật giáo Bắc tông, với tư tưởng phóng khoáng, đã không phù hợp với người Chân Lạp vốn mộc mạc, nên lần lần đã phải nhường chỗ cho Phật giáo Nam tông từ phía Sri Lanka truyền xuống với những bộ kinh Nguyên thủy chứa đựng giáo lý thực hành phù hợp hơn với người bản xứ.

Khu vực mà nay là Nam Bộ thì xưa kia thuộc vương triều Phù Nam rồi vương triều Chân Lạp. Vùng đất thuộc tỉnh Trà Vinh ngày nay là một trong những vùng có người Khmer sinh sống đông nhất, đã là một trong hai trung tâm lớn của thời kỳ tiền Angkor. Nhiều pho tượng Phật cổ được khai quật trong vùng này một mặt cho thấy đạo Phật đã đến vùng Trà Vinh bằng đường biển qua các cửa sông Cửu Long; mặt khác chỉ ra rằng Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nam tông đã từng cùng tồn tại vì trong 13 pho tượng Phật cổ được tìm thấy, có bốn pho liên hệ đến các vị Bồ-tát Đại thừa.

Như vậy, Phật giáo Nam tông đã có mặt ở Nam Bộ từ rất sớm vì theo các nhà khảo cổ thì từ thế kỷ thứ IV sau Tây lịch đã có một ngôi chùa theo truyền thống Nguyên thủy xuất hiện ở nơi nay là xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ XVII, nhiều cộng đồng người Khmer sinh sống ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng chùa thờ Phật theo hệ phái Nam tông. Cho đến đầu thế kỷ XX hầu hết các phum, sóc của người Khmer đều có chùa thờ Phật.

2. Vai trò của Phật giáo đối với người Khmer

Vai trò đầu tiên phải được nói đến chính là ngôi chùa trong cộng đồng cư dân Khmer. Đến vùng cư trú của người Khmer, bao giờ người ta cũng thấy trước tiên và nổi bật là ngôi chùa. Cộng đồng người Khmer dù nghèo khó đến đâu, dù ở nhà tranh vách đất đi nữa, cũng cùng nhau xây dựng cho được nơi thờ Phật khang trang, lộng lẫy. Đặc điểm của những ngôi chùa này là trồng nhiều cây thốt nốt hay cây dầu cao vút để báo hiệu từ đằng xa. Có những ngôi chùa trồng nhiều cây dừa có hàng rào bao bọc, mỗi chùa có một cổng chính và nhiều cổng phụ. Có thể nói, mỗi ngôi chùa là một công trình kiến trúc độc đáo tiêu biểu của người Khmer.

Xây dựng một ngôi chùa là việc rất công phu. Trước hết, một vị sư hay một nhân vật nhiều tuổi và có uy tín đứng ra chủ động đi quyên góp tiền bạc, của cải cùng công sức của nhân dân. Sau đó, phải tìm cho được một địa điểm bằng phẳng, cao ráo, thuận lợi giao thông cho mọi người trong phạm vi ảnh hưởng. Nhưng quan trọng hơn là còn phải chờ xin phép đăng "bể trên" có thuận cho xây dựng chùa nơi mình lựa chọn hay không thì công việc mới được tiến hành. Có khi một ngôi chùa phải qua nhiều lần cúng, xin "keo" mới được và cũng có chùa phải xây dựng ở nơi xa các phum, sóc. Các nhà nghiên cứu cho biết một ngôi chùa từ lúc bắt đầu xây dựng cho đến khi hoàn thành có khi phải mất hàng chục năm, qua nhiều đời sư cả. Ngôi chùa được coi là hoàn thành khi ngôi chính điện xây dựng xong và làm lễ Banh Choh Seima tức là lễ khánh thành chùa, dựng bia kỷ niệm.

Về kiến trúc chùa Khmer, ngoài chánh điện trang nghiêm là nơi quan trọng nhất để thờ Phật và một cổng tam quan bề thế tượng trưng cho ba cõi dục, sắc và vô sắc, trong khuôn viên còn có các công trình khác

vừa gắn với việc tu học của sư sãi và dân chúng lại vừa thiết thực phục vụ các hoạt động khác trong đời sống người dân nơi đây, như salatean là nơi sinh hoạt lễ hội của các tín đồ, nơi tập trung đồng bào để bàn bạc các công việc chung của phum, sóc; thư viện là nơi cất giữ kinh sách, thư tịch Phật giáo và các sách vở, tài liệu văn hóa xã hội chung phục vụ việc tu học, tra cứu của đồng bào; phòng học để phục vụ việc tu học của các sư sãi, việc phát triển văn hóa, đào tạo chữ Khmer và học tập của con em trong phum, sóc; một khu tháp và lò hỏa táng phục vụ các hoạt động liên quan đến việc ra đi của bất kỳ một người dân nào trong phum, sóc như thiêu xác và hỏa táng khi các tín đồ Phật tử qua đời... Như vậy, các công trình trong khuôn viên chùa Khmer không chỉ phục vụ các sinh hoạt nghi lễ tôn giáo thuần túy và đời sống tu hành của sư sãi, mà chùa cũng chính là nơi thực hành các hoạt động tín ngưỡng, nơi thực hiện các hoạt động văn hóa nghệ thuật, giáo dục đào tạo cho cộng đồng dân cư tại phum, sóc.

Đặc biệt, ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer còn có thể coi như ngôi từ đường chung của phum, sóc. Trải qua bao nhiêu thế hệ, cứ đời sau tiếp nối đời trước, cả khi sống và khi chết, cuộc đời mỗi người dân trong cộng đồng đều gắn bó chặt chẽ với ngôi chùa. Khi chết, xác của họ được hỏa táng trong lò hỏa táng của nhà chùa, sau đó tro cốt của họ được rước về thờ ngay trong chùa, vĩnh viễn được ở bên cạnh Đức Phật. Cứ mỗi năm đến ngày lễ Đôn-ta, vào giữa tháng 9 dương lịch (30/8 âm lịch), dân trong phum, sóc dù có đi làm ăn xa mấy cũng trở về chùa, nơi lưu giữ tro cốt của người thân, để lễ Phật và thắp hương tưởng nhớ tổ tiên, những người đã sinh thành và dưỡng dục mình, nay đã về với Đức Phật. Đây là một nét văn hóa đẹp, đậm tính nhân văn cao cả, mang dấu ấn đặc trưng của đạo đức Phật giáo. Khi ấy, ngôi chùa, ngôi từ đường chung trở thành nơi cố kết và gắn bó giữa những người đã khuất và những người còn sống, giữa thế hệ cha ông và bao thế hệ con cháu.

Nói đến vai trò của Phật giáo trong đời sống văn hóa của người Khmer Nam Bộ, chúng ta không thể không nhắc đến vai trò của các vị sư sãi. Họ mang một ý nghĩa đặc biệt trong đời sống của người Khmer. Vị sãi cả là người đại diện cho Đức Phật để chứng giám mọi hành động và lòng thành kính của tín đồ; các vị sư sãi còn là cầu nối giữa tín đồ với Đức Phật. Tất cả những hoạt động lễ hội của người Khmer từ lễ đặt tên cho đứa trẻ mới chào đời, lễ cầu an, lễ Tết cổ truyền đến tang ma... đều có sự hiện diện của các sư sãi, đều có vai trò của các vị xuất gia, và thường được tổ chức trong chùa. Chỉ riêng lễ cưới là không tổ chức tại chùa nhưng đôi trai gái phải đến chùa thỉnh sư sãi tụng kinh chúc phúc tại chùa lẫn tại nhà. Không những thế mà giữa nhà sư với các gia đình của người Khmer còn có sự gắn bó như những người thân trong gia đình, nếu chẳng

may trong một gia đình nào đó có người ốm đau, bệnh tật, thiên tai hoạn nạn... thì họ tìm đến các vị sư sãi để được an ủi, chỉ bảo.

Mỗi ngôi chùa Khmer có một vị sãi cả và hai sãi phó (cả nhì). Vị sãi cả là người tu lâu năm nhất trong chùa (có thể là Hòa thượng, Thượng tọa hay Đại đức). Nếu vị sãi cả viên tịch hay chuyển sang làm sãi cả chùa khác hoặc hoàn tục thì sẽ tấn phong vị cả nhì lên thay. Việc tấn phong sãi cả mới do Ban Quản trị và các nhà sư trong chùa quyết định. Trong trường hợp nội bộ sư sãi trong chùa không nhất trí thì nhờ đến Giáo hội cấp trên thuyết phục hoặc điều động vị sãi cả mới, các cấp Giáo hội ít khi ra quyền chỉ định. Hai vị cả nhì có hai chức năng nhiệm vụ khác nhau: một vị chuyên quản lý nhân sự và chăm lo việc học hành của sư sãi, phân công các vị sư đi làm lễ tại các gia đình Phật tử và tiến hành xử phạt các vị sư không theo quy chế hoặc phạm giới cấm nhẹ mà chưa cần đưa ra hội đồng kỷ luật. Còn vị cả nhì thứ hai có trách nhiệm phân phối tài sản của nhà chùa cho các sư sãi sử dụng, đồng thời trông coi việc trùng tu chùa chiền. Có chùa thì giao một số công việc cho vị Achar (cư sĩ thành viên Ban Quản trị chùa).

Nhà sư được phép ăn mặn, trừ mười loại thịt như cọp, khỉ, mèo, chồn..., được phép dùng bữa cơm từ lúc sáng sớm đến giờ Ngọ, còn từ giữa trưa đến chiều tối chỉ được dùng sữa, bánh ngọt, nước giải khát. Mục đích là để tiết dục, nhà sư nào vi phạm sẽ bị tín đồ coi như con quỷ đội lốt đi tu. Tất cả sư sãi đều đi khất thực. Hàng ngày có sự phân công luân phiên nhau trong chùa đi vào các phum, sóc; mỗi nhóm có hai vị sư mang bình bát đến từng hộ, hộ nào đã ăn cơm xong thì thôi; thức ăn được để trong các ngăn của cà-mên do một hai em thiếu niên mang theo đi cùng nhà sư, giờ khất thực vào khoảng 9 đến 10 giờ sáng. Có chùa tự sản xuất lúa hoặc quýt gạo trong dân thì các sư phân công nhau nấu cơm, còn thức ăn thì người dân trong phum, sóc mang đến cúng.

Như vậy, các vị sư trong chùa Khmer có một vị trí đặc biệt trong đời sống của cư dân trong vùng nhưng các tín đồ Phật tử cũng là người có công trong việc duy trì các hoạt động của chùa cũng như sự sống của các vị sư sãi.

Một nét đặc biệt của Phật giáo Nguyên thủy ở người Khmer Nam Bộ là việc vào chùa tu tập của hầu hết nam giới.

Có thể nói toàn thể người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đều theo Phật giáo Nguyên thủy. Dù vào chùa tu hay tu tại nhà thì người Khmer đều là tín đồ của Phật. Người Khmer đi tu không phải để trở thành Phật mà tu để làm người có nhân cách, có phẩm chất và đạo đức tốt theo quan niệm của họ. Có thể nói hình ảnh lý tưởng trong cuộc sống truyền thống của người Khmer là Đức Phật cho nên trong đời sống thường

ngày dù sư sãi ở chùa hay dân chúng ở nhà đều phải rèn luyện theo giáo lý Phật giáo Nguyên thủy, đó là thọ giới, bố thí và tụng niệm. Tùy theo từng giới mà ba điều chuẩn của đạo pháp ở trên được quy định: Tỷ-kheo thọ 4 điều, 227 giới trong khi Sa-di (người con trai mới vào chùa tu) thọ 10 điều, 20 giới và dân chúng thọ 5 giới... Theo quy định, sư sãi thường ngày phải tụng kinh tại chùa ba thời: sáng, trưa và chiều tối, còn người dân thường mỗi tháng phải lên chùa tụng kinh niệm Phật ít nhất sáu lần tại salatean vào những ngày mùng 5, 8, 15, 20, 23, 30 âm lịch. Người Khmer nào cũng lấy việc làm lành, tránh ác làm lẽ sống. Họ quan niệm "bố thí làm phước, cứu giúp đồng loại" tức là mình đã làm việc thiện và càng làm việc thiện thì núi phước của họ càng cao lên mãi mãi.

Mỗi người con trai Khmer, bất kể thuộc tầng lớp xã hội nào đều có thể đi tu. Về nguyên tắc thì phải trên 12 tuổi mới được tu nhưng trên thực tế cũng có các sa-di (lục viên) nhỏ tuổi hơn. Tu từ 12 tuổi đến 20 tuổi gọi là để trả ơn mẹ và 21 tuổi trở lên là để trả hiếu cha nhưng thường thì người con trai Khmer có thể tu vào bất cứ lúc nào "tùy cái phước của mình". Do nhu cầu phong tục hay nhu cầu xã hội điều đó thật khó xác định, có lẽ là do tất cả đã tạo nên trong ý thức của bất cứ thanh niên nào trong cuộc đời mình đều muốn đi tu ít ra là một lần. Một đời người có thể đi tu nhiều lần mà không bị một quy định nào ngăn cấm.

Sau một thời gian tu học tại chùa, các vị sư Khmer có thể chọn con đường xuất tu, trở về với cuộc sống gia đình, mang những hành trang tốt được trang bị trong lớp chùa để phục vụ xã hội với vai trò của một công dân. Họ cũng có thể phát tâm hiến dâng trọn cuộc đời của mình vào việc tu học theo giáo lý của Đức Phật để tiếp tục con đường giáo hóa dạy dỗ các tín đồ Phật tử theo hạnh nguyện của một vị xuất gia. Bất kỳ là xuất tu trở về với đời thường hay tiếp tục con đường tu hành tịnh hạnh, những con người này đều luôn ý thức mình sẽ mang những điều cao cả trong giáo lý Phật giáo và trí thức xã hội được kế thừa trong môi trường nhà chùa để phát huy, chia sẻ với cộng đồng, góp phần làm đẹp hơn cho xã hội.

Lễ xuất gia được tiến hành rất cẩn thận, người đi tu nhờ một vị sư chọn ngày cử hành xuất gia và nhờ bạn bè hay thân nhân cạo đầu, cạo râu, cạo lông mày cho mình. Sau này cứ mỗi tháng cạo hai lần vào hai ngày trước đêm trăng tròn và hai ngày trước đêm trăng khuyết.

Trước ngày đi tu, gia đình của người đi tu tổ chức thiết đãi bạn bè, người thân để báo tin. Đến giờ khởi hành, người đi tu mặc một loại trang phục được gọi là Sampot, trên vai trái dắt một cái khăn trắng choàng qua hông mặt đánh dấu sự lìa xa cõi tục. Thời trước, người đi tu cưỡi ngựa từ nhà đến chùa; theo phong tục, con ngựa được gắn yên cương thật lỏng lẻo, mô phỏng hình ảnh ngày xưa khi Thái tử Tất-đạt-đa xuất

gia cũng cưỡi ngựa ra khỏi hoàng thành; một người cầm cương, một người cầm lọng cho nhà sư tương lai. Thời nay, người đi tu không đi bằng ngựa nữa mà đi bộ hoặc đi xe đến chùa. Những người thân như cha mẹ, vợ con, bạn bè mang lễ vật theo sau. Ngoài người thân còn có một dàn nhạc hòa tấu đưa người đi tu vào chùa. Trong quá trình đoàn người đi đến chùa, ở phía trước luôn luôn có một người mang mặt nạ Chăn gọi là Yark, tay cầm gậy, gươm vừa nhảy múa vừa như có ý cản đường đoàn người, tượng trưng của đám quân Chăn Mèra cản trở việc xuất gia của Thái tử Tất-đạt-đa, vị sau này đã trở thành Đức Phật Thích Ca.

Nếu như trong quá trình đi tu mà một vị sư vi phạm vào các điều và giới thì sẽ bị xử tội tùy theo mức độ vi phạm. Tội nhẹ thì sư tụng kinh và hứa với vị sãi cả sẽ không tái phạm. Tội nặng thì chịu hình phạt hoặc bị lột áo đuổi ra khỏi chùa.

Cho đến nay, hệ phái Phật giáo Nguyên thủy của người Khmer ở Nam Bộ vẫn giữ quy định chỉ có nam giới mới được phép đi tu chứ không cho nữ giới xuất gia. Tuy nhiên, ở một số nơi trên thế giới, Phật giáo Nguyên thủy đã chấp nhận một vài trường hợp phụ nữ xuất gia và đã có những lễ xuống tóc được tổ chức cho nhiều phụ nữ thụ đại giới cùng một lúc tại những tu viện Nguyên thủy theo hệ truyền thừa của Đại sư Chah thuộc Phật giáo Thái Lan ở California, Hoa Kỳ.

Như vậy, trải qua hàng ngàn năm bén rễ và phát triển tại cộng đồng dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, Phật giáo Nam tông với nhân sinh quan và thế giới quan đặc thù đã trở thành nguồn gốc tư tưởng của người Khmer Nam Bộ, tác động mạnh mẽ vào việc hình thành những đặc trưng văn hóa của cộng đồng. Những bài học về nhân quả báo ứng, về vô ngã vị tha, về yêu thương muôn loài, về nuôi nấng và phát khởi tâm thiện, về giữ gìn trai giới và báo hiếu... đã trở thành phương châm sống của đồng bào nơi đây. Cuộc sống dù còn khó khăn vất vả về vật chất, nhưng con người nơi đây vẫn đối xử với nhau hết lòng bằng sự chân thành, thuần phác. Những tệ nạn xã hội, đặc biệt là những xung đột gia đình, dòng tộc hiếm khi xảy ra trong cộng đồng người Khmer. Những giá trị nhân bản và đạo đức xã hội mà cư dân Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có được và duy trì cho đến ngày hôm nay, phần lớn là do ảnh hưởng từ các giá trị tích cực của giáo lý Phật giáo. ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Tôn giáo, tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*; Nguyễn Mạnh Tường và Nguyễn Minh Ngọc, Nxb Phương Đông.
2. *Le Neak Ta*; Éveline Porée Maspéro, Trans Asia, No. 114 - 115, 1995.
3. *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*; Trường Lưu chủ biên, Nxb Văn Hóa Dân Tộc.

